

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2022.

“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huế.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hồng Thơ.

Ông Lê Quang Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cao Lãnh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/8/2022 và ngày 17/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 169/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Bá Th, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 65, đường Cái S, tổ 12, ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Huỳnh Thị S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 65, đường Cái S, tổ 12, ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Huỳnh Phương U, sinh năm 2001.

2. Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: Số nhà 65, đường Cái S, tổ 12, ấp 1, xã Mỹ T, thành phố

Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1966.

4. Võ Thị Th, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Đường Cái S, tổ 12, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1989.

6. Huỳnh Trung Tr, sinh năm 1983.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Tr là: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 12, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

7. Huỳnh Nguyễn Yến Nh, sinh năm 2008.

Người đại diện theo pháp luật của Huỳnh Nguyễn Yến Nh là chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1989 và Huỳnh Trung Tr, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Tổ 12, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

8. Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Đương sự có mặt anh Nguyễn Bá Th, chị Huỳnh Thị S, Nguyễn Huỳnh Phương U, Nguyễn Huỳnh Quốc H, ông Nguyễn Tấn Th, bà Võ Thị Th và chị Nguyễn Thị Kim C; Vắng mặt anh Huỳnh Trung Tr không có lý do, bà Đỗ Thị Ngọc M có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/11/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/4/2022, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Bá Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá Th và chị Huỳnh Thị S kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 26/12/2000.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ, chồng không sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Anh Th đã nhiều lần tìm cách để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ, chồng nhận thấy đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh Nguyễn Bá Th yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương U, sinh ngày 23/08/2001. Hiện nay, Nguyễn Huỳnh Phương U đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh ngày 18/02/2004, hiện con chung Quốc H đang sống với chị S. Sau khi ly hôn, anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh ngày 18/02/2004. Anh Th không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Tuy nhiên, tại phiên toà anh Th trình bày: Do Nguyễn Huỳnh Quốc H đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung: Vợ chồng có số tiền 240.000.000 đồng. Hiện số tiền này do chị Huỳnh Thị S đang quản lý. Số tiền nêu trên do anh Th chuyển nhượng căn nhà cấp 4 (diện tích căn nhà 73,792m²) gắn liền với diện tích đất 167,6m², thuộc thửa số 288, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Giá chuyển nhượng diện tích đất là 800.000.000 đồng.

Sau khi chuyển nhượng diện tích đất và căn nhà được số tiền 800.000.000 đồng, anh Th và chị S đã lấy trả nợ cho anh Lê Thành Nh số tiền 50.000.000 đồng, trả cho bà H số tiền 375.000.000 đồng. Sau khi trả nợ còn lại số tiền 360.000.000 đồng, anh Th và chị S sử dụng để xây nhà hết số tiền 120.000.000 đồng còn lại số tiền 240.000.000 đồng chị S là người quản lý và sử dụng.

Sau khi ly hôn, anh Th yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền. Anh Th yêu cầu chị S giao lại cho anh số tiền 120.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng anh Th đồng ý chia cho chị S.

Tại phiên toà, anh Th thống nhất anh Th và chị S còn số tiền 100.000.000 đồng là tài sản chung nhưng hiện nay Nguyễn Huỳnh Phương U và Nguyễn Huỳnh Quốc H đã gửi tiết kiệm nên anh Th thống nhất số tiền 100.000.000 đồng cho Phương U và Quốc H nên anh Th rút lại yêu cầu này.

Đối với diện tích đất và căn nhà thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của mẹ anh Th là bà Phạm Thị Ch tặng cho cá nhân anh Th còn căn nhà cũng là từ việc anh Th chuyển nhượng diện tích đất và căn nhà thuộc thửa số 288, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mà bà Ch tặng cho cá nhân anh Th nên số tiền để xây nhà cũng là của cá nhân anh Th. Do đó, anh Th không đồng ý theo yêu cầu của chị S nên anh Th yêu cầu chị S di dời các tài sản trong nhà trả lại nhà và diện tích đất cho anh Th.

Đối với nhà kho của ông Th và căn nhà của chị Kim C, anh Th vẫn đồng ý giữ nguyên căn nhà kho của ông Th và căn nhà của chị Kim C ở trên diện tích đất và không có yêu cầu gì đối với ông Th và gia đình chị Kim C.

Đối với diện tích đất bà Phạm Thị Ch đã chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Ngọc M, anh Th thống nhất trừ phần diện tích đất lại cho bà M diện tích 41,6m² trong phạm vi các mốc 7, 7A, 5A, 5, 6 trở về mốc 7.

Đối với tài sản của bà Ch gồm 01 li văng và tài sản chung của vợ chồng gồm 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu A Qua, 01 tủ quần áo nhôm kính và 01 tủ kính anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 18/12/2020, tại phiên hoà giải và tại phiên toà chị Huỳnh Thị S trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá Th và chị Huỳnh Thị S kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 26/12/2000.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2015, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th thiếu nợ và chủ nợ khởi kiện ra Tòa án, anh Th không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, trong thời gian mẹ anh Th bệnh, anh Th không có ở nhà chỉ có mình chị S ở nhà chăm sóc.

Chị S và anh Th không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian không còn chung sống với nhau cả hai đều không có tìm cách hàn gắn tình cảm.

Nay chị S đồng ý ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương U, sinh ngày 23/08/2001. Hiện nay, Nguyễn Huỳnh Phương U đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh ngày 18/02/2004, hiện con chung Quốc H đang sống với chị S. Sau khi ly hôn, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh ngày 18/02/2004. Chị S không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà, chị S trình bày: Đối với 02 con chung Nguyễn Huỳnh Phương U và Nguyễn Huỳnh Quốc H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị S và anh Th có tài sản chung là căn nhà và diện tích đất 420,1m², thuộc thửa 124, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại tổ 12, ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Bá Th đứng tên được UBND thành phố Cao Lãnh cấp ngày 06/4/2011. Nguồn gốc diện tích đất là của mẹ anh Th là bà Phạm Thị Ch cho hai vợ chồng nhưng khi đi làm thủ tục tặng cho thì có mình anh Th đi làm thủ tục.

Nay chị S yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ căn nhà và diện tích đất, chị S yêu cầu được nhận diện tích đất 147,4m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 8 trở về mốc 1 và căn nhà trên diện tích đất (theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 17/3/2021). Chị S yêu cầu anh Th phải trả giá trị chênh lệch diện tích đất còn lại cho chị S. Chị S đồng ý anh Th được nhận toàn bộ diện tích đất còn lại, chị S đồng ý trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và diện tích đất cho anh Th. chị S thống nhất diện tích đất bà Phạm Thị Ch đã chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Ngọc M, chị S thống nhất trừ phần diện tích đất lại cho bà M diện tích 41,6m² trong phạm vi các mốc 7, 7A, 5A, 5, 6 trở về mốc 7 còn phần diện tích đất còn lại chia làm $\frac{1}{2}$.

Đối với yêu cầu hộ ông Th phải di dời căn nhà kho trên đất chị S được chia để chị được sử dụng. Chị S rút lại yêu cầu này.

Đối với tài sản của bà Ch gồm 01 li văng và tài sản chung của vợ chồng gồm 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu A Qua, 01 tủ quần áo nhôm kính và 01 tủ kính chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng anh Th yêu cầu nhưng hiện nay Nguyễn Huỳnh Phương U và Nguyễn Huỳnh Quốc H đã gửi tiết kiệm nên chị S thống nhất số tiền 100.000.000 đồng cho Phương U và Quốc H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Th và bà Võ Thị Th trình bày:

Trên diện tích đất của anh Th và chị S đang tranh chấp, ông Th có xây dựng một nhà kho, trên đất có trồng dừa, 01 cây kiểng, 02 cái lu và 01 bộ dàn giáo, 01 cây sầu đâu (hiện nay đã bị gãy). Ông Th và bà Th không có tranh chấp và không yêu cầu gì.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ cho riêng anh Th, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông Th không đồng ý theo yêu cầu của chị S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim C và Huỳnh Chung Tr (có chị Nguyễn Thị Kim C là người đại diện theo uỷ quyền) trình bày:

Diện tích đất tranh chấp là của bà nội tên Phạm Thị Ch cho riêng anh Th, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên chị C và anh Tr không đồng ý theo yêu cầu của chị S và không tranh chấp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ngọc M có văn bản ý kiến trình bày:

Vào tháng 6/2010, bà M có mua của hộ bà Phạm Thị Ch, anh Nguyễn Bá Th và chị Huỳnh Thị S diện tích đất ngang 5m, dài 6m đến mí sông Cái Sao. Trên đường đã xây nhà cấp 4, dưới sông có các cây trồng gồm: cây mít, cây mận, cây dừa đang cho trái (chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Bà M yêu cầu trừ lại phần đất phía sông cái sao mà bà M đã mua của hộ bà Ch.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ngọc M có đơn xin vắng mặt và anh Huỳnh Chung Tr là người đại diện theo pháp luật của Huỳnh Nguyễn Yến Nh vắng mặt không có lý do Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M và anh Tr nhưng đều vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá Th và chị Huỳnh Thị S.

Về con chung: Anh Th và chị S thống nhất có 02 chung tên Nguyễn Huỳnh Phương U, sinh ngày 23/08/2001 và Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh ngày 18/02/2004. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên anh Th và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu nuôi con của anh Th.

Về tài sản chung:

Đối với yêu cầu chia tài sản chung số tiền 100.000.000 đồng, anh Thuận thống nhất cho Nguyễn Huỳnh Phương U và Nguyễn Huỳnh Quốc H và anh Th rút lại yêu cầu này nên Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của anh Th yêu cầu buộc chị S di dời tài sản trả lại nhà và đất là không có cơ sở chấp nên Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị S là căn nhà và diện tích đất như sau:

- Đối với căn nhà xác định là tài sản chung của chị S và Th, do chị S không có chỗ ở nào khác, anh Th thường xuyên không có ở nhà nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, chị S được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà, buộc chị S phải $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho anh Th.

Đối với diện tích đất thuộc thửa 124, tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là tài sản bà Phạm Thị Ch tặng cho cá nhân anh Th. Do đó, Đề nghị hội đồng xét xử không chấp yêu cầu này của chị S. Tuy nhiên, căn nhà ở trên diện tích đất nên chị S được sử dụng diện tích đất 147,4m², buộc chị S phải trả toàn bộ giá trị đất cho anh Th.

Đối với nhà kho của ông Th và căn nhà của chị Kim C, anh Tr, anh Th và chị S vẫn đồng ý giữ nguyên căn nhà kho của ông Th và căn nhà của chị Kim C ở trên diện tích đất và không có yêu cầu gì đối với ông Th và chị Kim C, anh Tr nên Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với diện tích đất bà Phạm Thị Ch đã chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Ngọc M, anh Th và chị S thống nhất trừ phần diện tích đất lại cho bà M diện tích 41,6m² trong phạm vi các mốc 7, 7A, 5A, 5, 6 trở về mốc 7 nên Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với tài sản của bà Ch gồm 01 li văng và tài sản chung của vợ chồng gồm 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu A Qua, 01 tủ quần áo nhôm

kính và 01 tủ kính anh Th và chị S tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các cây trồng của ông Th trên diện tích đất tranh chấp thì chị S, anh Th và ông Th không có yêu cầu gì nên Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Th và chị S tặng cho Nguyễn Huỳnh Phương U số tiền 50.000.000 đồng và Nguyễn Huỳnh Quốc H số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung. Bị đơn chị Huỳnh Thị S có địa chỉ tại số 65, đường Cái S, tổ 12, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ngọc M có đơn xin vắng mặt và anh Huỳnh Chung Tr là người đại diện theo pháp luật của Huỳnh Nguyễn Yến Nh vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M và anh Tr nhưng bà M có đơn xin vắng mặt, anh Tr vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M và anh Tr là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá Th và chị Huỳnh Thị S kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 26/12/2000 là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh Th thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ, chồng không sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Anh Th đã nhiều lần tìm cách để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ, chồng nhận thấy đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, anh Nguyễn Bá Th yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị S.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị S cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th thiếu nợ và chủ nợ khởi kiện ra Tòa án, anh Th

không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, trong thời gian mẹ anh Th bệnh, anh Th không có ở nhà chỉ có mình chị S ở nhà chăm sóc.

Chị S và anh Th không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian không còn chung sống với nhau cả hai đều không có tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay chị S đồng ý ly hôn với anh Th. Do đó, sự tự nguyện anh Th và chị S là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Th và chị S.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương U, sinh ngày 23/08/2001 và Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh ngày 18/02/2004. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Th và chị S có số tiền 240.000.000 đồng, anh Th yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền. Anh Th yêu cầu chị S giao lại cho anh số tiền 120.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng anh Th đồng ý cho chị S được quản lý, sử dụng.

Tại phiên toà, anh Th thống nhất anh Th và chị S còn số tiền 100.000.000 đồng là tài sản chung nhưng hiện nay Nguyễn Huỳnh Phương U và Nguyễn Huỳnh Quốc H đã gửi tiết kiệm nên anh Th thống nhất số tiền 100.000.000 đồng cho Phương U và Quốc H nên anh Th rút lại yêu cầu này. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

Anh Th yêu cầu chị S di dời tài sản trả lại nhà và đất cho anh Th thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 29, toạ lạc tại tổ 12, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của anh Th thì căn nhà hiện nay chị S đang quản lý và sử dụng là tiền của anh Th chuyển nhượng diện tích đất và căn nhà tại thửa số 288, tờ bản đồ số 9, toạ lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mà trước đây anh Th có thể chấp cho bà Nguyễn Thị H. Nguồn gốc đất là của bà Phạm Thị Ch tặng cho cá nhân anh Th, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh và Toà án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp xét xử xong thì anh Th đã chuyển nhượng căn nhà và diện tích đất với giá 800.000.000 đồng để trả nợ cho bà H số tiền còn lại anh Th sử dụng để xây dựng căn nhà và đưa cho chị S giữ số tiền 100.000.000 đồng còn đối với diện tích đất thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 29, toạ lạc tại tổ 12, ấp 01, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là mẹ của anh Th tặng cho cá nhân anh Th, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên anh Th không đồng ý theo yêu cầu của chị S và yêu cầu chị S phải di dời tài sản trả lại nhà và đất cho anh Th.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo văn bản ý kiến ngày 20/01/2021 và theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/11/2021, tại phiên hoà giải và tại phiên toà anh Th đều thừa nhận căn nhà hiện nay chị S đang ở là số tiền anh Th chuyển nhượng căn nhà và diện tích đất tại thửa số 288, tờ bản đồ số 9, toạ lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi xây dựng nhà xong còn dư lại số

tiền 100.000.000 đồng, anh Th đã đưa cho chị S giữ. Đồng thời, theo bản án số 276/2019/DS-PT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và anh Th, chị S thì theo như bản án tuyên “Anh Th và chị S có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách, chuyển và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất thuộc thửa số 288, tờ bản đồ số 29 trên theo quy định của pháp luật”. Như vậy, xem như anh Th đã thống nhất nhập căn nhà và diện tích đất thửa số 288, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, anh Th cho rằng là tài riêng của anh Th và yêu cầu chị S di dời tài sản trả lại nhà cho anh Th là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với nhà kho của ông Th, các cây trồng trên đất và căn nhà của chị Kim C và anh Tr, anh Th và chị S vẫn đồng ý giữ nguyên căn nhà kho của ông Th và căn nhà của chị Kim C ở trên diện tích đất và không có yêu cầu gì đối với ông Th và gia đình chị Kim C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với diện tích đất bà Phạm Thị Ch đã chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Ngọc M, anh Th và chị S thống nhất trừ phần diện tích đất lại cho bà M diện tích 41,6m² trong phạm vi các mốc 7, 7A, 5A, 5, 6 trở về mốc 7. Do đó, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với tài sản của bà Ch gồm 01 li văng và tài sản chung của vợ chồng gồm 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu A Qua, 01 tủ quần áo nhôm kính và 01 tủ kính anh Th và chị S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét yêu cầu của bị đơn: Chị S yêu cầu chia tài sản chung là đất diện tích 420,1m², thuộc thửa 124, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại tổ 12, ấp 1, xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và căn nhà gắn liền với diện tích đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Bá Th đứng tên được UBND thành phố Cao Lãnh cấp ngày 06/4/2011. Theo sơ đồ đo đạc ngày 17/3/2021 và ngày 08/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh diện tích là 393,9m². Chị S và anh Th đồng ý trừ diện tích 41,6m² trong phạm vi các mốc 7, 7A, 5A, 5, 6 trở về mốc 7 cho bà M, diện tích đất còn lại là 352,3m² chia làm ½.

Chị S yêu cầu được nhận diện tích đất 147,4m² và căn nhà trên diện tích đất (theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh ngày 17/3/2021 và 08/6/2022). Chị S yêu cầu anh Th phải trả giá trị chênh lệch diện tích đất còn lại cho chị S. Chị S đồng ý anh Th được nhận toàn bộ diện tích đất còn lại là 204,9m², chị S đồng ý trả ½ giá trị căn nhà cho anh Th. Đối với yêu cầu hộ ông Th phải di dời căn nhà kho trên diện tích đất chị S được chia để chị S được quản lý và sử dụng. Nay chị S rút lại yêu cầu này.

[3.1] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà: Từ những phân tích và nhận định nêu trên đã xác định căn nhà là tài sản chung của vợ chồng nên chị S

yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà là có căn cứ chấp nhận.

Đồng thời, chị S yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà do hiện nay không còn chỗ ở nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị S đang ở ổn định trong căn nhà và phải nuôi con gái tên Nguyễn Huỳnh Phương U đang bị bệnh tim, chị S cũng không còn chỗ ở nào khác. Mặt khác, theo lời trình bày của anh Th thì từ trước đến nay anh Th đi làm ăn xa, không có thường xuyên sinh sống ở nhà. Vì vậy, chị S yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà là có cơ sở chấp nhận.

Chị S đồng ý trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo giá của Hội đồng định giá là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất: Theo lời trình bày của anh Th vào năm 2011, bà Phạm Thị Ch là mẹ của anh Th tặng cho cá nhân anh Th diện tích đất 420,10m², thửa số 124, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên không phải là tài sản chung của anh Th và chị S. Do đó, anh Th không đồng ý theo yêu cầu của chị S.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguồn gốc diện tích đất 420,10m², thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là của hộ bà Phạm Thị Ch tặng cho cá nhân anh Nguyễn Bá Th, tặng cho trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, theo bản án số 06/2019/DSST, ngày 28/01/2019 Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh và Bản án số 276/2019/DS-PT, ngày 03/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá Th, chị Huỳnh Thị S thì trong 02 bản án đều tuyên “Buộc bà H có nghĩa vụ trả cho anh Th và chị S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 124, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh” thì anh Th không có kháng cáo hay khiếu nại gì đối với 02 bản án trên xem như anh Th đã đồng ý nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra, trong quá trình sống chung anh Th và chị S cũng đã xây dựng căn nhà trên diện tích đất tranh chấp. Mặt khác, trong quá trình chung sống chị S cũng đã có công sức quản lý, giữ gìn diện tích đất và có công sức chăm sóc mẹ của anh Th là bà Phạm Thị Ch, hiện nay chị S cũng đang thờ cúng bà Ch. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận diện tích đất còn lại là 352,3m² thuộc một phần thửa số 124, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh là tài sản chung của anh Th và chị S nên chị S yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng đối với diện tích 352,3m² là 176,15m² là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, chị S yêu cầu được quản lý và sử dụng diện tích đất 147,4m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 8 trở về mốc 1, chị S yêu cầu anh Th trả giá trị chênh lệch diện tích đất còn lại cho chị S là 28,75m², thành tiền là 5.462.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do chị S được tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà, căn nhà được gắn liền trên diện tích đất nên chị S yêu cầu được sử dụng diện tích đất 147,4m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 8 trở về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 17/3/2021 và ngày 08/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh là có cơ sở chấp nhận.

Do yêu cầu của chị S được chấp nhận nên buộc anh Th phải trả giá trị chênh lệch của diện tích đất 28,75m² cho chị Huỳnh Thị S theo giá của Hội đồng định giá, số tiền là 5.462.500 đồng.

[3.3] Tại đơn khởi kiện, chị S yêu cầu hộ ông Th phải di dời căn nhà kho trên đất chị S được chia để chị được quản lý và sử dụng diện tích đất nhưng tại phiên tòa chị S rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có một phần căn cứ như đã phân tích trên nên chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí về hôn nhân gia đình và án phí đối với phần không được chấp nhận. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia (Theo biên bản định giá ngày 13/5/2021 giá trị nhà và đất như sau: Đất ở nông thôn có giá 800.000 đồng/m², đất trồng cây lâu năm có giá 190.000m², căn nhà có giá 1.480.000 đồng/m²). Như vậy anh Th và chị S phải chịu án phí cụ thể là:

- Anh Th phải chịu án phí như sau:

+ Án phí về hôn nhân và gia đình số tiền là 300.000.000 đồng.

+ Án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận số tiền là 300.000 đồng.

+ Diện tích đất 176,15m² (đất lâu năm) cụ thể:

Đất trồng cây lâu năm: 190.000 đồng x 176,15m² đất lâu năm = 33.468.500 đồng.

+ Căn nhà: 1.480.000 đồng x 37,5m² = 55.500.000 đồng.

Tổng số tiền là: 89.568.500 đồng x 5% = 4.478.425 đồng.

- Chị S phải chịu án như sau:

+ Diện tích đất 176,15m² (đất lâu năm) cụ thể:

Đất trồng cây lâu năm: 190.000 đồng x 176,15m² đất lâu năm = 33.468.500 đồng.

+ Căn nhà: 1.480.000 đồng x 37,5m² = 55.500.000 đồng.

Tổng số tiền là 88.968.500 đồng x 5% = 4.448.425 đồng.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá số tiền là 4.409.000 đồng mỗi bên phải chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.204.500 đồng. Do chị S đóng tạm ứng số tiền 3.909.000 đồng, anh Th đóng số 500.000 đồng. Vì vậy, anh Th phải trả lại cho chị S số tiền 1.704.500 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 244, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, 55, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá Th và chị Huỳnh Thị S.

Về con chung: Anh Th và chị S thống nhất có 02 chung tên Nguyễn Huỳnh Phương U, sinh ngày 23/08/2001 và Nguyễn Huỳnh Quốc H, sinh ngày 18/02/2004. Hiện nay, 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Bá Th yêu cầu chị S di dời tài sản trả lại nhà và đất cho anh Thuận thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 29, toạ lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Bá Th đối với yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 100.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Huỳnh Thị S yêu cầu hộ ông Th di dời căn nhà kho.

Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị S về việc yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất và căn nhà gắn liền trên diện tích đất thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 29, toạ lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Huỳnh Thị S được quản lý và sử dụng diện tích đất 147,4m² (đất lâu năm) trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 8 trở về mốc 1 thuộc một phần thửa số 124, tờ bản đồ số 29, toạ lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Chị Huỳnh Thị S được sở hữu căn nhà có diện tích 75m² có kết cấu nền bê tông cốt thép, lát gạch men Ceramic, vách tol, mái lợp tol sóng vuông, khung sắt, 01 vách nhà phía trước nhà là bê tông cốt thép, 03 vách nhà là tol sóng vuông, trần nhà gắn la phong nhựa xây dựng năm 2020 gắn liền trên diện tích đất 147,4m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 9, 8 trở về mốc 1 thuộc một phần thửa số 124, tờ bản đồ số 29, toạ lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Buộc chị Huỳnh Thị S trả ½ giá trị căn nhà cho anh Nguyễn Bá Th số tiền 55.500.000 đồng.

Anh Nguyễn Bá Th được quản lý và sử dụng diện tích đất 204,9m² (đất lâu năm) trong phạm vi các mốc 4, 5A, 7A, 8 trở về 4 thuộc một phần thửa số 124, tờ bản đồ số 29, toạ lạc tại xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Buộc anh Nguyễn Bá Th phải trả giá trị chênh lệch diện tích đất 28,75m² cho chị Huỳnh Thị S số tiền là 5.462.500 đồng.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2021, ngày 8/6/2022 và sơ đồ đo đạc ngày 17/3/2021 và bổ sung ngày 08/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Bá T phải chịu số tiền là 4.478.425 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) án phí hôn nhân và gia đình, án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận và án phí đối với phần tài sản được chia nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.350.000 đồng theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007434 ngày 08/12/2020, biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007431 ngày 18/11/2021 và biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005574 ngày 18/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, anh Th phải nộp thêm số tiền 2.128.425 đồng (hai triệu một trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Chị Huỳnh Thị S phải chịu số tiền là 4.448.425 đồng (bốn triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) đối với phần án phí tài sản được chia nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.575.000 đồng theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007638, ngày 15/01/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, chị S phải nộp thêm số tiền 2.873.425 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá số tiền là 4.409.000 đồng mỗi bên phải chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.204.500 đồng. Do chị S đóng tạm ứng số tiền 3.909.000 đồng, anh Th đóng số 500.000 đồng. Vì vậy, anh Th phải trả lại cho chị S số tiền 1.704.500 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh ĐT;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Huế